

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tháng 3 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Anh Tiến	Chủ tịch
Ông Trương Công Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc
Ông Trần Vinh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2009)
Ông Tăng Văn Liêm	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Số. /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các ghi chú báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1144/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		68.882.094.528	69.081.407.685
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.177.532.582	2.928.688.866
1. Tiền	111	5	2.177.532.582	2.928.688.866
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.650.237.183	16.050.446.525
1. Phải thu khách hàng	131		15.709.962.363	10.059.331.658
2. Các khoản phải thu khác	135		863.770.050	6.927.610.097
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(923.495.230)	(936.495.230)
III. Hàng tồn kho	140	6	49.437.073.977	49.044.197.843
1. Hàng tồn kho	141		50.038.102.155	50.083.264.508
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(601.028.178)	(1.039.066.665)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.617.250.786	1.058.074.451
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		489.946.556	298.944.091
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.127.304.230	759.130.360
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.958.049.514	84.376.455.712
I. Tài sản cố định	220		73.853.978.359	78.178.906.933
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	8.176.060.751	11.525.079.803
- Nguyên giá	222		26.705.275.810	26.875.577.131
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.529.215.059)	(15.350.497.328)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	59.512.868.121	66.653.827.130
- Nguyên giá	225		72.170.714.627	73.921.243.911
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(12.657.846.506)	(7.267.416.781)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	6.165.049.487	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.378.061.520	2.378.061.520
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	2.378.061.520	2.378.061.520
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.726.009.635	3.819.487.259
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		302.065.552	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	-	113.035.166
3. Tài sản dài hạn khác	268	12	3.423.944.083	3.706.452.093
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		148.840.144.042	153.457.863.397

Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		93.083.301.927	101.624.955.668
I. Nợ ngắn hạn	310		69.398.572.785	66.951.663.809
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	56.093.959.081	44.341.445.066
2. Phải trả người bán	312		7.831.599.554	17.678.043.245
3. Người mua trả tiền trước	313		87.091.340	135.318.520
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	2.215.557.810	3.538.606.865
5. Phải trả người lao động	315		462.469.520	847.389.868
6. Chi phí phải trả	316		1.191.382.220	282.661.648
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.516.513.260	128.198.597
II. Nợ dài hạn	330		23.684.729.142	34.673.291.859
1. Phải trả dài hạn khác	333		405.319.950	405.319.950
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	22.576.049.994	33.771.465.850
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	11	192.451.198	-
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		510.908.000	496.506.059
B. VỐN CỔ ĐÔNG	400		55.756.842.115	51.832.907.729
I. Vốn cổ đông	410	16	55.426.784.272	51.769.742.317
1. Vốn điều lệ	411		47.483.000.000	47.483.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.742.388	58.742.388
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		442.386.419	-
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		442.386.419	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		7.000.269.046	4.227.999.929
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		330.057.843	63.165.412
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		330.057.843	63.165.412
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		148.840.144.042	153.457.863.397

Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Phạm Thị Thành
Kế toán trưởng

Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	2009	2008
1. Doanh thu gộp	01		174.032.572.111	172.122.096.477
2. Các khoản giảm trừ	02		-	(82.646.200)
3. Doanh thu thuần	10		174.032.572.111	172.039.450.277
4. Giá vốn hàng bán	11		(150.390.374.496)	(148.300.749.196)
5. Lợi nhuận gộp	20		23.642.197.615	23.738.701.081
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.306.107.588	560.954.504
7. Chi phí tài chính	22	18	(7.914.089.555)	(11.873.006.452)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(7.564.937.677)</i>	<i>(10.334.101.996)</i>
8. Chi phí bán hàng	24		(2.476.271.682)	(1.990.757.354)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(4.994.712.856)	(6.363.137.104)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		9.563.231.110	4.072.754.675
11. Thu nhập khác	31		4.254.591.162	33.858.151.391
12. Chi phí khác	32		(2.326.343.990)	(31.137.326.365)
13. Lợi nhuận khác	40	19	1.928.247.172	2.720.825.026
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.491.478.282	6.793.579.701
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	(2.338.263.544)	(2.354.712.946)
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	11	(305.486.364)	113.035.166
17. Lợi nhuận sau thuế	60		8.847.728.374	4.551.901.921
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	1.687	935

Nguyễn Văn Hùng**Giám đốc**

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Phạm Thị Thành**Kế toán trưởng**

Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.491.478.282	6.793.579.701
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.568.745.077	9.325.661.473
Các khoản dự phòng	03	(451.038.487)	734.650.047
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(838.641.328)	907.649.710
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(391.844.992)	(175.850.634)
Chi phí lãi vay	06	7.564.937.677	10.334.101.996
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26.943.636.229	27.919.792.293
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(5.342.621.345)	9.539.969.876
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	45.162.353	(6.065.872.561)
Giảm các khoản phải trả	11	(11.365.570.943)	(3.187.606.348)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(493.068.017)	361.764.769
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.362.649.174)	(10.293.569.425)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.888.468.202)	(1.966.174.069)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	282.508.010	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(668.313.858)	(471.333.825)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	150.615.053	15.836.970.710
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(311.631.304)	(7.251.965.711)
2. Tiền thu do thanh lý tài sản cố định hữu hình	22	1.498.995.238	1.545.455
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(360.000.000)
4. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	125.714.042	183.771.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.313.077.976	(7.426.648.568)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	146.833.470.644	124.499.524.792
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(134.341.424.998)	(123.050.158.878)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(11.380.224.411)	(9.171.753.597)
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.326.016.000)	(3.798.640.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.214.194.765)	(11.521.027.683)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	(750.501.736)	(3.110.705.541)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.928.688.866	6.040.189.409
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(654.548)	(795.002)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.177.532.582	2.928.688.866

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Lợi nhuận chi trả cho cổ đông trong năm không bao gồm 1.422.284.000 đồng (2008: 0 đồng) là số lợi nhuận đã công bố nhưng chưa thanh toán trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Nguyễn Văn Hùng

Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Phạm Thị Thành

Kế toán trưởng

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002815 ngày 28 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 254 người (năm 2008: 284).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là in theo phương pháp ống đồng, in theo phương pháp offset, sản xuất các loại bao bì cao cấp, và cung cấp giấy các loại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm 839.295.876 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ có số dư có với số tiền tương ứng.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	25
Máy móc, thiết bị	7
Phương tiện vận tải	5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỉ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	123.508.768	522.641.340
Tiền gửi ngân hàng	2.054.023.814	2.406.047.526
	<u><u>2.177.532.582</u></u>	<u><u>2.928.688.866</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	3.835.813.187	-
Nguyên liệu, vật liệu	36.319.752.383	40.763.403.879
Công cụ, dụng cụ	36.096.674	264.953.480
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.649.785.069	534.173.118
Thành phẩm	4.196.654.842	8.520.734.031
	50.038.102.155	50.083.264.508
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(601.028.178)	(1.039.066.665)
	49.437.073.977	49.044.197.843

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tài sản khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2009	22.101.265.809	2.809.663.788	281.216.317	1.683.431.217	26.875.577.131
Tăng	292.141.171	-	19.490.133	-	311.631.304
Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	1.750.529.284	-	-	-	1.750.529.284
Thanh lý	(904.761.909)	(1.327.700.000)	-	-	(2.232.461.909)
Tại ngày 31/12/2009	<u>23.239.174.355</u>	<u>1.481.963.788</u>	<u>300.706.450</u>	<u>1.683.431.217</u>	<u>26.705.275.810</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	13.513.811.491	849.396.751	187.204.609	800.084.477	15.350.497.328
Phân loại lại	(38.000.004)	(16.734.692)	11.006.551	43.728.145	-
Khấu hao trong năm	2.884.286.570	278.220.308	45.998.302	173.348.748	3.381.853.928
Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	796.461.424	-	-	-	796.461.424
Thanh lý	(904.761.909)	(94.835.712)	-	-	(999.597.621)
Tại ngày 31/12/2009	<u>16.251.797.572</u>	<u>1.016.046.655</u>	<u>244.209.462</u>	<u>1.017.161.370</u>	<u>18.529.215.059</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2009	<u>6.987.376.783</u>	<u>465.917.133</u>	<u>56.496.988</u>	<u>666.269.847</u>	<u>8.176.060.751</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>8.587.454.318</u>	<u>1.960.267.037</u>	<u>94.011.708</u>	<u>883.346.740</u>	<u>11.525.079.803</u>

Nguyên giá tài sản cố định của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với trị giá là 4.854.402.232 đồng (năm 2008: 3.445.202.228 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Nhà xưởng VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2009	13.940.318.700	59.980.925.211	73.921.243.911
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(1.750.529.284)	(1.750.529.284)
Tại ngày 31/12/2009	<u>13.940.318.700</u>	<u>58.230.395.927</u>	<u>72.170.714.627</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2009	2.091.047.805	5.176.368.976	7.267.416.781
Khấu hao trong năm	557.612.748	5.629.278.401	6.186.891.149
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(796.461.424)	(796.461.424)
Tại ngày 31/12/2009	<u>2.648.660.553</u>	<u>10.009.185.953</u>	<u>12.657.846.506</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2009	<u>11.291.658.147</u>	<u>48.221.209.974</u>	<u>59.512.868.121</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>11.849.270.895</u>	<u>54.804.556.235</u>	<u>66.653.827.130</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỎ DANG

Đây là khoản trả trước 30% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Phong Phú (gọi tắt là “Công ty CP KCN Phong Phú”) về việc thuê 12.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phong Phú (gọi tắt là “KCN Phong Phú”) để xây dựng nhà xưởng. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty CP KCN Phong Phú vẫn chưa tiến hành bàn giao cho Công ty khu vực đất dự kiến cho thuê theo như tiến độ hợp đồng đã cam kết.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Cổ phần trong Công ty Cổ phần bao bì Bia Sài Gòn (i)	1.378.061.520	1.378.061.520
Góp vốn vào Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000
	<u>2.378.061.520</u>	<u>2.378.061.520</u>

(i) Công ty đã đầu tư mua 72.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

(ii) Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam chiếm 0,56% vốn điều lệ của công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước:

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <u>VNĐ</u>	Tài sản cố định thuê tài chính <u>VNĐ</u>	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho <u>VNĐ</u>	Dự phòng trợ cấp mất việc làm <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
Tại ngày 1/1/2009	204.228.308	(340.690.023)	203.657.066	45.839.815	113.035.166
Ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(275.207.871)	(34.850.797)	(53.400.021)	57.972.325	(305.486.364)
Tại ngày 31/12/2009	(70.979.563)	(375.540.820)	150.257.045	103.812.140	(192.451.198)

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ, ký cược dài hạn cho các hợp đồng thuê tài chính và thuê đất.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009 <u>VNĐ</u>	31/12/2008 <u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	44.510.075.460	33.155.698.260
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Ghi chú số 15)	11.583.883.621	11.185.746.806
	56.093.959.081	44.341.445.066

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2009 <u>VNĐ</u>	31/12/2008 <u>VNĐ</u>
Ngân hàng Natixis - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5.823.838.810	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà	12.546.033.515	10.087.848.260
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam	24.660.203.135	19.780.000.000
Các cá nhân khác	1.480.000.000	3.287.850.000
	44.510.075.460	33.155.698.260

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay tín dụng ngắn hạn dưới hình thức tín dụng thư từ Natixis - Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay ngày 2 tháng 2 năm 2009, với tổng hạn mức là 600.000 đô la Mỹ có thể giải ngân và sử dụng đến ngày 30 tháng 1 năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng thư bảo lãnh của Mekong Enterprise Fund Ltd., một chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn dưới hình thức tín dụng thư giới hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà theo hợp đồng vay số 035/09K ngày 3 tháng 2 năm 2009 với tổng hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 đồng trong vòng 3 năm từ ngày ký kết hợp đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ số cổ phần của Công ty sở hữu bởi ông Trần Anh Tiến, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và ông Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay tín dụng ngắn hạn dưới hình thức thư tín dụng thư từ Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam theo hợp đồng vay số 1007-LAV-200800927 ngày 12 tháng 11 năm 2008 và hợp đồng vay số 1007-LAV-200900300 ngày 27 tháng 2 năm 2009 với tổng hạn mức tín dụng 28.300.000.000, có thể giải ngân và sử dụng đến ngày 25 tháng 1 năm 2010. Các khoản vay này được thực hiện theo các khế ước nhận nợ riêng biệt với tổng số dư còn lại tại ngày kết thúc niên độ là

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

24.660.203.135 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất hàng tháng từ 0,54% đến 1% đối với khoản vay bằng Việt Nam đồng và lãi suất từ 0,38% đến 0,5% đối với những khoản vay bằng tiền đô la Mỹ. Lãi suất được thanh toán hàng tháng theo ngày quy định cụ thể trên từng kế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của ông Trần Anh Tiến, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và ông Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân khác nhằm mục đích tài trợ cho vốn hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản thời gian thanh toán nợ gốc cho mỗi khoản vay là 12 tháng và chịu lãi suất là 1,0625%/tháng và lãi vay được thanh toán vào ngày cuối cùng của mỗi tháng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	217.561.624	1.896.219.756
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.821.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.978.215.694	1.528.420.352
Các loại thuế khác	19.780.492	111,145,257
	<u>2.215.557.810</u>	<u>3.538.606.865</u>

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nợ thuê tài chính dài hạn	34.159.933.615	44.957.212.656
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Ghi chú số 13)	(11.583.883.621)	(11.185.746.806)
	<u>22.576.049.994</u>	<u>33.771.465.850</u>

Chi tiết các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	7.229.587.084	12.146.667.684
Công ty cho thuê tài chính Kexim Việt Nam	1.260.912.856	2.005.101.435
Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (“VILC”)	472.418.900	1.403.862.962
Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu	16.562.460.000	19.810.000.000
Công ty TNHH Khai thác dịch vụ - kinh doanh văn phòng Tân Tạo (“Taserco”)	8.634.554.775	9.591.580.575
	<u>34.159.933.615</u>	<u>44.957.212.656</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2009	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	15.156.627.339	12.852.890.117	11.583.883.621	11.185.746.806
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	29.206.120.632	41.285.107.526	21.449.803.319	30.310.491.775
Sau năm năm	1.126.246.675	4.105.533.546	1.126.246.675	3.460.974.075
	<u>45.488.994.646</u>	<u>58.243.531.189</u>	<u>34.159.933.615</u>	<u>44.957.212.656</u>
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(11.329.061.031)	(13.286.318.533)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	<u>34.159.933.615</u>	<u>44.957.212.656</u>	<u>34.159.933.615</u>	<u>44.957.212.656</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn-ghi chú 13)			(11.583.883.621)	(11.185.746.806)
Số phải trả sau 12 tháng			<u>22.576.049.994</u>	<u>33.771.465.850</u>

16. VỐN CỔ ĐÔNG**Thay đổi trong vốn cổ đông**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư, phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2008	47.483.000.000	58.742.388	-	-	3.952.779.322	51.494.521.710
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.551.901.921	4.551.901.921
Cổ tức được chia và đã trả trong năm	-	-	-	-	(3.798.640.000)	(3.798.640.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(478.041.314)	(478.041.314)
Số dư tại ngày 31/12/2008	47.483.000.000	58.742.388	-	-	4.227.999.929	51.769.742.317
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.847.728.374	8.847.728.374
Cổ tức được chia	-	-	-	-	(4.748.300.000)	(4.748.300.000)
Trích lập quỹ	-	-	442.386.419	442.386.419	(1.327.159.257)	(442.386.419)
Số dư tại ngày 31/12/2009	47.483.000.000	58.742.388	442.386.419	442.386.419	6.884.911.445	55.426.784.272

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 20 tháng 5 năm 2009 và ngày 21 tháng 11 năm 2009, Công ty đã chia cổ tức bổ sung của năm 2008 là 4% cho một cổ phần và tạm ứng cổ tức năm 2009 là 6% cho một cổ phần. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty còn phải trả cổ tức cho cổ đông với số tiền 1.422.284.000 đồng.

Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Điều lệ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2009 theo tỷ lệ 5% cho mỗi quỹ. Số liệu cuối cùng về trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 29 tháng 9 năm 2009, vốn điều lệ của Công ty là 47.483.000.000 đồng. Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và 2008 như sau:

Số lượng cổ phần được phép phát hành	4.748.300
Số lượng cổ phần đã phát hành	4.748.300
Mệnh giá cổ phần (đồng)	<u>10.000</u>
Vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và 2008:	

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Vốn đã góp	
	VNĐ	%
Ông Trần Anh Tiến	14.947.600.000	31,48
Ông Nguyễn Văn Hùng	6.000.500.000	12,64
Ông Tăng Văn Liêm	537.100.000	1,13
Mekong Enterprise Fund Ltd.	14.244.900.000	30,00
Các cổ đông khác	11.752.900.000	24,75
	47.483.000.000	100,00

Ngày 11 tháng 2 năm 2010, Công ty đã nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh để tăng vốn điều lệ. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng thêm 94.700.000 đồng thành 47.577.700.000 đồng và số lượng cổ đông của Công ty cũng tăng từ 58 lên 110 cổ đông.

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi	102.434.042	8.388.869
Cổ tức được chia từ khoản đầu tư dài hạn	23.280.000	175.382.819
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.180.393.546	294.614.263
Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	-	82.568.553
	1.306.107.588	560.954.504

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	7.564.937.677	10.334.101.996
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	341.752.218	1.202.263.973
Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	7.399.660	336.640.483
	7.914.089.555	11.873.006.452

19. LỢI NHUẬN KHÁC

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.498.995.238	30.513.035.903
Thu từ việc bán các phế liệu	966.170.795	2.586.277.513
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản	1.163.062.189	572.556.600
Khác	626.362.940	186.281.375
Thu nhập khác	4.254.591.162	33.858.151.391
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	1.232.864.288	30.520.755.684
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	557.612.748	577.838.946
Khác	535.866.954	38.731.735
Chi phí khác	2.326.343.990	31.137.326.365
Lợi nhuận khác	1.928.247.172	2.720.825.026

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	11.491.478.282	6.793.579.701
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	1.040.459.362	2.306.180.280
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	(1.227.847.962)	(214.705.108)
Thu nhập chịu thuế	11.304.089.682	8.885.054.873
Thuế suất	25%	28%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.826.022.420	2.487.815.364
Giảm trừ thuế	(847.806.726)	(186.586.152)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	360.047.850	53.483.734
	2.338.263.544	2.354.712.946

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009 hướng dẫn việc giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho cả năm 2009. Theo đó, một khoản thuế thu nhập được giảm là 847.806.726 đồng được ghi nhận trong năm.

21. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận sau thuế	8.847.728.374	4.551.901.921
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	838.641.328	-
Thuế thu nhập hoãn lại	-	113.035.166
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.009.087.046	4.438.866.755
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	4.748.300	4.748.300
Lãi trên cổ phiếu	1.687	935

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thu nhập Ban Giám đốc	942.362.067	394.790.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH**

	Đơn vị tính	31/12/2009	31/12/2008
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu nguồn vốn			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	46,28	45,02
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	53,72	54,98
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	62,54	66,22
Vốn cổ đông/Tổng nguồn vốn	%	37,24	33,74
Vốn điều lệ/Tổng nguồn vốn	%	31,90	30,94
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,99	1,03
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,26	0,28
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	6,60	3,95
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,08	2,65
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ đông	%	15,96	8,79

24. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2010.

Nguyễn Văn Hùng**Giám đốc**

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Phạm Thị Thành**Kế toán trưởng**